TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH K**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 20/2021/QĐST-DS	*Ngọc Hồi, ngày 19 tháng 5 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 11 tháng 5 năm 2021, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 169/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần C – Chi nhánh K; Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP C; địa chỉ: 108 Trần Hưng Đạo, Quận H, Thành phố H; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Anh T – Chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh K; địa chỉ: 92 Trần Phú, phường T, thành phố K, tỉnh K, văn bản ủy quyền số: 652/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 09/6/2020.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị D; cùng địa chỉ: Thôn 4, xã Đ, huyện N, tỉnh K.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Văn Anh T và chị Nguyễn Thị Tú Q; cùng địa chỉ: Thôn 4, xã Đ, huyện N, tỉnh K.

Ông Dương Thanh V; địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện N, tỉnh K.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị D công nhận còn nợ Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh K, tổng số tiền tính đến ngày 11/5/2021 là 723.038.315đ

(Bảy trăm hai mươi ba triệu không trăm ba mươi tám nghìn ba trăm mười lăm đồng), trong đó: Nợ gốc là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng); Nợ lãi trong hạn là 1.969.822đ (Một triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm hai mươi hai đồng); Nợ lãi quá hạn là 121.068.493đ (Một trăm hai mươi mốt triệu không trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng). Ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị D đồng ý trả toàn bộ số tiền 723.038.315đ (Bảy trăm hai mươi ba triệu không trăm ba mươi tám nghìn ba trăm mười lăm đồng) cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C - Chi nhánh K vào ngày 12/8/2021.

Căn cứ Điều 357 của Bộ luật dân sự, kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho bên được thi hành án, thì bên phải thi hành án ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn mà bên phải thi hành án phải thanh toán cho bên được thi hành án theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày 11/5/2021, thì kể từ ngày 12/5/2021 bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ gốc.

Trường hợp ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị D không trả nợ cho Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh K thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền thi hành án, kê biên, bán tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 527/NH/2015/HĐTC ngày 23/9/2015 (sửa đổi bổ sung ngày 23/11/2016, sửa đổi bổ sung ngày 28/12/2017) gồm: Thửa đất số 2, tờ bản đồ số 24, diện tích 8550 m^2, số phát hành AH 085881, cơ quan cấp: Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 30/8/2007 mang tên hộ ông Nguyễn Văn M bà Nguyễn Thị D, địa chỉ thửa đất: Thôn 4, xã Đ, huyện N, tỉnh K và Thửa đất số 3, tờ bản đồ số 24, diện tích 9746 m^2, số phát hành AH 085882, cơ quan cấp: Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 30/8/2007 mang tên hộ ông Nguyễn Văn M bà Nguyễn Thị D, địa chỉ thửa đất: Thôn 4, xã Đ, huyện N, tỉnh K, để thu hồi nợ. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh K thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị D để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Đối với Thửa đất số 5, tờ bản đồ số 17, diện tích 7368 m^2, số phát hành AH 085880, cơ quan cấp: Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 30/8/2007 mang tên hộ ông Nguyễn Văn M bà Nguyễn Thị D, địa chỉ thửa đất: Thôn 4, xã Đ, huyện N, tỉnh K đang thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 527/NH/2015/HĐTC ngày 23/9/2015 (sửa đổi bổ sung ngày 23/11/2016, sửa đổi bổ sung ngày 28/12/2017). Qua xem xét, thẩm định và đo đạc tại chỗ, thì thửa đất này có địa chỉ tại thôn 1, xã Đ, huyện N, tỉnh K, nguồn gốc thửa đất do ông Dương Thanh V, địa chỉ tại thôn 1, xã Đ, huyện N, tỉnh K khai hoang và sử dụng ổn định trồng cây công nghiệp từ năm 1991 đến nay, thửa đất này các đương sự đã tự thống

nhất, thỏa thuận với nhau về cách thức giải quyết tại phiên hòa giải thành ngày 11/5/2021.

Về chi phí xem xét thẩm định: Căn cứ Điều 157, 158 của Bộ luật tố tụng dân sự. Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị D trả lại cho Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh K số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Về án phí: Căn cứ Điều 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 16.460.700đ (Mười sáu triệu bốn trăm sáu mươi nghìn bảy trăm đồng). Trả lại cho Ngân hàng TMCP C- Chi nhánh K số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 15.439.000đ (Mười lăm triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn đồng) theo Biên lai số: AA/2016/0002571 ngày 19/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh K.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện N;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh K;
- Chi cục THADS huyện N;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Bá Khen